

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI  
KHÍ THÁP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 21



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân phối Khí tháp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Văn Huệ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2012)
Ông Trần Đức Sơn	Thành viên
Ông Cao Khánh Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Như Song	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2012)
Ông Trần Ngọc Trinh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2012)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Sơn	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Giám đốc
Ông Đinh Ngọc Huy	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

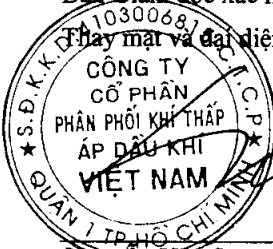
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Sơn  
Giám đốc

Ngày 02 tháng 02 năm 2013  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Số: 443 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 02 tháng 02 năm 2013, từ trang 3 đến trang 21. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

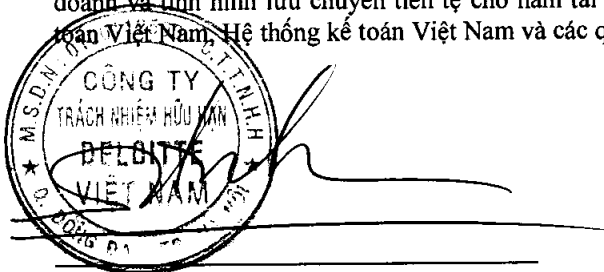
Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Khúc Thị Lan Anh  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 02 tháng 02 năm 2013  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>1.690.259.161.105</b>	<b>1.429.181.456.196</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>585.289.336.243</b>	<b>773.144.004.554</b>
1. Tiền	111		337.289.336.243	405.144.004.554
2. Các khoản tương đương tiền	112		248.000.000.000	368.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.053.344.894.972</b>	<b>619.862.068.866</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1.001.731.429.762	582.547.371.097
2. Trả trước cho người bán	132	5	49.849.697.493	33.051.242.028
3. Các khoản phải thu khác	135	6	2.273.767.717	4.263.455.741
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(510.000.000)	-
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>9.332.239.117</b>	<b>9.378.123.496</b>
1. Hàng tồn kho	141		9.332.239.117	9.378.123.496
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>42.292.690.773</b>	<b>26.797.259.280</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	5.134.598.880	1.461.070.597
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		36.776.607.093	24.828.103.883
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		381.484.800	508.084.800
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+260)	<b>200</b>		<b>359.035.102.452</b>	<b>299.180.189.163</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>355.070.443.599</b>	<b>297.339.271.463</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	276.986.274.694	56.100.460.126
- Nguyên giá	222		358.216.847.658	101.421.684.567
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.230.572.964)	(45.321.224.441)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	45.871.423.479	1.074.014.922
- Nguyên giá	228		47.007.222.820	1.688.749.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.135.799.341)	(614.734.678)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	32.212.745.426	240.164.796.415
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.964.658.853</b>	<b>1.840.917.700</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.343.181.818	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		2.621.477.035	1.840.917.700
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.049.294.263.557</b>	<b>1.728.361.645.359</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.053.534.077.037</b>	<b>850.139.386.852</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.053.534.077.037</b>	<b>850.060.521.286</b>
1. Phải trả người bán	312	12	1.004.212.475.021	807.917.726.253
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	23.446.404.814	16.248.940.904
3. Phải trả người lao động	315		976.578.987	5.473.158.866
4. Chi phí phải trả	316	14	4.088.102.933	87.650.000
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	20.752.144.602	12.465.712.524
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		58.370.680	7.867.332.739
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>78.865.566</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	78.865.566
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>	<b>16</b>	<b>995.760.186.520</b>	<b>878.222.258.507</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>995.760.186.520</b>	<b>878.222.258.507</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		429.000.000.000	429.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		335.832.582.837	191.921.745.441
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		42.896.731.029	32.946.731.029
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		6.000.000.000	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		182.030.872.654	224.353.782.037
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.049.294.263.557</b>	<b>1.728.361.645.359</b>



Nguyễn Hà An  
 Người lập biểu



Nguyễn Phương Thúy  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Sơn  
 Giám đốc

Ngày 02 tháng 02 năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị tính: VND

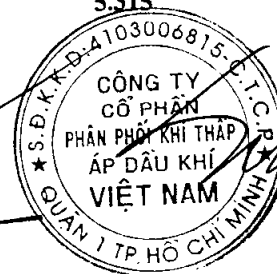
CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2012	2011
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	5.487.575.459.863	3.342.207.599.649
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		5.487.575.459.863	3.342.207.599.649
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	5.012.108.078.325	2.813.581.882.991
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		475.467.381.538	528.625.716.658
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	49.635.822.996	31.947.364.150
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		165.107.933.715	128.996.743.204
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		56.001.792.443	28.193.194.813
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		303.993.478.376	403.383.142.791
11. Thu nhập khác	31		70.917.642	3.827.132.521
12. Chi phí khác	32		-	2.139.812.556
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		70.917.642	1.687.319.965
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 40+30)	50		304.064.396.018	405.070.462.756
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	76.045.349.005	101.165.365.689
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	144.259.671
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		228.019.047.013	303.760.837.396
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	5.315	7.082



Nguyễn Hà An  
 Người lập biểu



Nguyễn Phương Thúy  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Sơn  
 Giám đốc

Ngày 02 tháng 02 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>2012</b>	<b>2011</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	304.064.396.018	405.070.462.756
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	36.430.413.186	12.078.972.677
Các khoản dự phòng	03	510.000.000	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(49.635.822.996)	(33.627.401.594)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	291.368.986.208	383.522.033.839
Biến động các khoản phải thu	09	(432.554.079.585)	(155.336.642.584)
Biến động hàng tồn kho	10	45.884.379	(2.230.361.275)
Biến động các khoản phải trả	11	209.842.551.941	482.468.862.469
Biến động chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	(5.670.669.436)	(149.115.482)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(68.609.139.458)	(127.977.110.720)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(11.040.081.059)	(11.180.006.111)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(16.616.547.010)</b>	<b>569.117.660.136</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(124.989.895.686)	(132.026.351.076)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	3.819.850.000
3. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	53.000.711.885	28.804.795.808
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(71.989.183.801)</b>	<b>(99.401.705.268)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	377.700.000
2. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(99.248.937.500)	(128.737.540.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(99.248.937.500)</b>	<b>(128.359.840.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(187.854.668.311)</b>	<b>341.356.114.868</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>773.144.004.554</b>	<b>431.787.889.686</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>585.289.336.243</b>	<b>773.144.004.554</b>



Nguyễn Hà An  
 Người lập biểu



Nguyễn Phương Thúy  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Sơn  
 Giám đốc

Ngày 02 tháng 02 năm 2013



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006815 ngày 23 tháng 5 năm 2007. Ngày 25 tháng 5 năm 2012, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 6 số 0304998686 với vốn điều lệ là 429 tỷ đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 161 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 161).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm kinh doanh và vận chuyển khí thấp áp bằng đường ống; mua bán khí công nghiệp (không mua bán gas tại thành phố Hồ Chí Minh), vật tư, máy móc, thiết bị hóa chất và phương tiện vận chuyển ngành dầu khí; tư vấn chuyển giao công nghệ; xây dựng công trình công nghiệp, hệ thống đường ống, kho bãi, trạm chiết phục vụ ngành dầu khí; mua bán, vận chuyển xăng, dầu nhớt, các sản phẩm khí khô, kinh doanh LPG, CNG, LNG và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu, khí (không mua bán gas tại trụ sở Công ty); cung cấp dịch vụ hoán cải phương tiện vận tải (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở Công ty; không thiết kế phương tiện vận tải); mua bán, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị chuyển đổi sử dụng cho phương tiện giao thông vận tải và máy móc - thiết bị ngành nông - lâm - ngư nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; kinh doanh bất động sản; thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khai thác khoáng sản.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

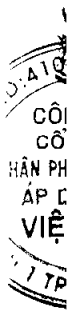
**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2012</u>
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 6
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 6

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao trên cơ sở thời gian thực tế được cấp, quyền sử dụng đất không có thời hạn không phải trích khấu hao. Các phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 5 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	38.523.314	992.451.357
Tiền gửi ngân hàng	337.250.812.929	404.151.553.197
Các khoản tương đương tiền	248.000.000.000	368.000.000.000
	<u>585.289.336.243</u>	<u>773.144.004.554</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí (i)	25.342.652.647	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (ii)	13.181.575.408	22.748.000.000
Khác	11.325.469.438	10.303.242.028
	<u>49.849.697.493</u>	<u>33.051.242.028</u>

(i) Ngày 07 tháng 8 năm 2010, Công ty đã ký Hợp đồng số 15/2010/PVGASD-PVID/D4 với Liên danh tổng thầu (EPC) đại diện là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí về việc "Thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình cho dự án phân phối khí thấp áp cho các khu công nghiệp huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai - Giai đoạn 1", giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) tạm tính là 231.408.589.231 đồng. Tại 31 tháng 12 năm 2012, số dư Công ty tạm ứng cho EPC (đại diện là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí) là 25.342.652.647 đồng.

(ii) Ngày 17 tháng 01 năm 2011, Công ty đã ký Hợp đồng số 01/2011/PVGASD-PVC2/QLDA với Liên danh tổng thầu (EPC) đại diện là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 về việc "Thiết kế - mua sắm vật tư thiết bị và thi công xây lắp công trình Trụ sở các Công ty PVAS D và PVGAS S tại Vũng Tàu", giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) tạm tính là 64.000.000.000 đồng. Tại 31 tháng 12 năm 2012, số dư tạm ứng cho EPC (đại diện là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2) là 13.181.575.408 đồng.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	1.789.229.707	-
Phải thu tiền lãi dự thu	-	3.364.888.889
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhân viên	419.438.010	786.966.852
Các khoản phải thu khác	65.100.000	111.600.000
	<u>2.273.767.717</u>	<u>4.263.455.741</u>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.278.802.557	8.949.730.685
Công cụ, dụng cụ	739.016.052	428.392.811
Hàng hóa	314.420.508	-
<b>Tổng</b>	<u>9.332.239.117</u>	<u>9.378.123.496</u>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<u>9.332.239.117</u>	<u>9.378.123.496</u>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Thuê biển quảng cáo	4.668.598.880	996.470.597
Thuê văn phòng	466.000.000	464.600.000
	<u>5.134.598.880</u>	<u>1.461.070.597</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	3.124.816.993	92.280.509.838	936.420.749	5.079.936.987	101.421.684.567
Mua sắm mới	51.000.000	13.220.177.385	81.790.908	1.544.700.465	14.897.668.758
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	241.005.197.260	-	-	241.005.197.260
Tăng khác	892.297.073	-	-	-	892.297.073
Tại ngày 31/12/2012	<u>4.068.114.066</u>	<u>346.505.884.483</u>	<u>1.018.211.657</u>	<u>6.624.637.452</u>	<u>358.216.847.658</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	1.606.593.002	40.505.893.047	214.816.763	2.993.921.629	45.321.224.441
Khấu hao trong năm	532.038.688	33.915.009.829	246.648.601	1.215.651.405	35.909.348.523
Tại ngày 31/12/2012	<u>2.138.631.690</u>	<u>74.420.902.876</u>	<u>461.465.364</u>	<u>4.209.573.034</u>	<u>81.230.572.964</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2012	<u>1.929.482.376</u>	<u>272.084.981.607</u>	<u>556.746.293</u>	<u>2.415.064.418</u>	<u>276.986.274.694</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.518.223.991</u>	<u>51.774.616.791</u>	<u>721.603.986</u>	<u>2.086.015.358</u>	<u>56.100.460.126</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 2.961.127.073 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 2.175.917.126 đồng).

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2012	-	1.619.949.600	68.800.000	1.688.749.600
Mua trong năm (*)	45.318.473.220	-	-	45.318.473.220
Tại ngày 31/12/2012	<u>45.318.473.220</u>	<u>1.619.949.600</u>	<u>68.800.000</u>	<u>47.007.222.820</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2012	-	597.534.678	17.200.000	614.734.678
Khấu hao trong năm	-	498.131.333	22.933.330	521.064.663
Tại ngày 31/12/2012	-	<u>1.095.666.011</u>	<u>40.133.330</u>	<u>1.135.799.341</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2012	<u>45.318.473.220</u>	<u>524.283.589</u>	<u>28.666.670</u>	<u>45.871.423.479</u>
Tại ngày 31/12/2011	-	<u>1.022.414.922</u>	<u>51.600.000</u>	<u>1.074.014.922</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 125.555.600 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 125.555.600 đồng).

(\*) Tài sản cố định vô hình tăng trong năm phản ánh giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn tại Lô NV-B38 Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội do Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) chuyển giao cho Công ty để bù trừ với khoản ủy thác đầu tư của Công ty tại PVFI theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 25 tháng 12 năm 2012.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Dự án phân phối khí thấp áp cho các Khu công nghiệp huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai - Giai đoạn I	-	204.572.045.407
Hệ thống phân phối khí thấp áp Khu công nghiệp Hiệp Phước	548.538.883	29.684.879.663
Văn phòng điều hành Công ty tại thành phố Vũng Tàu	27.950.495.197	5.255.425.344
Hệ thống phân phối khí cho Nhà máy Luyện phối Thép - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Pomina	-	259.718.729
Hệ thống phân phối khí thấp áp Khu công nghiệp Tiền Hải - Thái Bình	3.320.984.074	-
Khác	392.727.272	392.727.272
	<u><b>32.212.745.426</b></u>	<u><b>240.164.796.415</b></u>

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	993.000.950.682	788.086.974.055
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí	-	18.700.869.264
Khác	11.211.524.339	1.129.882.934
	<u><b>1.004.212.475.021</b></u>	<u><b>807.917.726.253</b></u>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.267.046.710	15.830.837.163
Thuế thu nhập cá nhân	179.358.104	418.103.741
	<u><b>23.446.404.814</b></u>	<u><b>16.248.940.904</b></u>

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

Chi tiêu	Tại ngày		Tại ngày	
	<u>31/12/2011</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	39.170.446.562	39.170.446.562	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.830.837.163	76.045.349.005	68.609.139.458	23.267.046.710
Thuế thu nhập cá nhân	418.103.741	6.108.640.770	6.347.386.407	179.358.104
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	16.036.200	16.036.200	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	57.600	57.600	-
<b>Cộng</b>	<u><b>16.248.940.904</b></u>	<u><b>121.340.530.137</b></u>	<u><b>114.143.066.227</b></u>	<u><b>23.446.404.814</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Phải trả công trình xây dựng hệ thống phân phối khí thấp áp cho Công ty Cổ phần Thép Pomina	1.843.339.511	-
Phải trả công trình xây dựng hệ thống phân phối khí thấp áp tại Nhơn Trạch (Công ty TNHH MTV Tư vấn quản lý Dự án Điện lực Dầu khí 2)	2.244.763.422	-
Khác	-	87.650.000
	<u>4.088.102.933</u>	<u>87.650.000</u>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Phải trả Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (i)	11.374.000.000	11.374.000.000
Cổ tức phải trả	8.726.194.500	725.132.000
Phải trả, phải nộp khác	651.950.102	366.580.524
	<u>20.752.144.602</u>	<u>12.465.712.524</u>

(i) Ngày 08 tháng 12 năm 2010, Công ty đã ký Hợp đồng số 28/2010/KTA-GAS S/QLDA với Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (PVGAS S) về việc “Hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác công trình Trụ sở các Công ty PVGAS D và PVGAS S tại Vũng Tàu” trên đất do Công ty và PVGAS S quản lý tại phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, với tỷ lệ góp vốn là PVGAS D góp 50%, PVGAS S góp 50% tổng vốn đầu tư. Giá trị tạm tính của hợp đồng là 68.884.298.891 đồng. Ngày 06 tháng 5 năm 2011, Công ty đã nhận tiền tạm ứng từ PVGAS S với số tiền là 11.374.000.000 đồng.

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn CSH VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2011	428.622.300.000	108.565.671.943	22.099.660.111	-	158.696.089.057	717.983.721.111
Góp vốn	377.700.000	-	-	-	-	377.700.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	303.760.837.396	303.760.837.396
Trích các quỹ từ lợi nhuận	-	83.356.073.498	10.847.070.918	-	(94.203.144.416)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(128.700.000.000)	(128.700.000.000)
Tại ngày 31/12/2011	<u>429.000.000.000</u>	<u>191.921.745.441</u>	<u>32.946.731.029</u>	<u>-</u>	<u>224.353.782.037</u>	<u>878.222.258.507</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	228.019.047.013	228.019.047.013
Trích các quỹ từ lợi nhuận (i)	-	143.910.837.396	9.950.000.000	6.000.000.000	(159.860.837.396)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	(3.031.119.000)	(3.031.119.000)
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành (ii)	-	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(107.250.000.000)	(107.250.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	<u>429.000.000.000</u>	<u>335.832.582.837</u>	<u>42.896.731.029</u>	<u>6.000.000.000</u>	<u>182.030.872.654</u>	<u>995.760.186.520</u>

(i) Trong năm 2012, Công ty đã trích lập Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 143.910.837.396 đồng, Quỹ dự phòng tài chính với số tiền 9.950.000.000 đồng, Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ với số tiền 6.000.000.000 đồng, từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 09 tháng 5 năm 2012.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 09 tháng 5 năm 2012, Công ty đã điều chỉnh giảm Quỹ khen thưởng, phúc lợi phần chênh lệch giữa số tạm trích và số được phê duyệt từ lợi nhuận năm 2011 với số tiền 5.340.900.000 đồng và trích Quỹ thưởng Ban điều hành số tiền 200.000.000 đồng. Công ty cũng thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2012 với số tiền 8.372.019.000 đồng theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2012 được phê duyệt. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng số tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2012 này sẽ được phê duyệt trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Thông tin chi tiết về vốn góp của các cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Số vốn thực góp tại ngày 31/12/2012		Số vốn thực góp tại ngày 31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	216.645.000.000	50,50	216.645.000.000	50,50
Các cổ đông khác	212.355.000.000	49,50	212.355.000.000	49,50
	<b>429.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>429.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

Cổ phiếu:

	31/12/2012	31/12/2011
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>42.900.000</b>	<b>42.900.000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	42.900.000	42.900.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu quỹ</b>	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>42.900.000</b>	<b>42.900.000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	42.900.000	42.900.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ tức:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 09 tháng 5 năm 2012, Công ty đã công bố cổ tức đợt 2 từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 trong năm 2012 với số tiền là 64.350.000.000 đồng (tương đương với 1.500 đồng/cổ phần). Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức với số tiền 64.349.989.500 đồng.

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 08/NQ- HĐQT/2012 ngày 08 tháng 11 năm 2012, Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 với số tiền 42.900.000.000 đồng. Trong năm, Công ty đã chi trả số cổ tức tạm ứng nêu trên với số tiền 34.898.948.000 đồng. Mức cổ tức chính thức năm 2012 sẽ được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty thông qua trong năm 2013.

**17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Trong năm, Công ty chỉ kinh doanh một mặt hàng duy nhất là khí thấp áp (khí tự nhiên) bằng đường ống và chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh nào khác ngoài lĩnh vực kinh doanh khí thấp áp và khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. DOANH THU**

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Doanh thu bán khí	5.487.303.628.550	3.341.854.310.245
Doanh thu cung cấp dịch vụ	271.831.313	353.289.404
	<u>5.487.575.459.863</u>	<u>3.342.207.599.649</u>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Giá vốn bán khí	5.011.991.523.780	2.813.578.014.279
Giá vốn cung cấp dịch vụ	116.554.545	3.868.712
	<u>5.012.108.078.325</u>	<u>2.813.581.882.991</u>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty là lãi tiền gửi có kỳ hạn và không có kỳ hạn tại các ngân hàng và tổ chức tài chính.

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	304.064.396.018	405.070.462.756
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	-	577.000.000
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	117.000.000	168.000.000
- <i>Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát</i>	117.000.000	168.000.000
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>304.181.396.018</b>	<b>404.661.462.756</b>
Thuế suất thông thường	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<u><b>76.045.349.005</b></u>	<u><b>101.165.365.689</b></u>

**22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	228.019.047.013	303.760.837.396
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	42.900.000	42.891.722
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.315	7.082

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí mua khí	5.011.991.523.780	2.813.578.014.279
Chi phí nhân viên	40.479.286.179	42.175.865.167
Chi phí dụng cụ đồ dùng	3.651.767.841	2.156.100.918
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.430.413.186	12.078.972.677
Chi phí thuê tài sản cố định	60.010.850.004	60.010.850.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.415.724.345	14.845.555.402
Chi phí khác	66.238.239.148	25.926.462.561
	<u><b>5.233.217.804.483</b></u>	<u><b>2.970.771.821.008</b></u>

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm phần vốn chủ sở hữu (vốn góp của các cổ đông, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	585.289.336.243	773.144.004.554
Phải thu khách hàng và phải thu khác	<u>1.003.075.759.469</u>	<u>586.810.826.838</u>
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>1.588.365.095.712</b></u>	<u><b>1.359.954.831.392</b></u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.024.417.887.334	820.383.438.777
Chi phí phải trả	<u>4.088.102.933</u>	<u>87.650.000</u>
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>1.028.505.990.267</b></u>	<u><b>820.471.088.777</b></u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Rủi ro thị trường

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro tài chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá, lãi suất và sự thay đổi về giá cả của hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>31/12/2012</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	585.289.336.243	-	585.289.336.243
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.003.075.759.469	-	1.003.075.759.469
	<b>1.588.365.095.712</b>	<b>-</b>	<b>1.588.365.095.712</b>
<b>31/12/2012</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.024.417.887.334	-	1.024.417.887.334
Chi phí phải trả	4.088.102.933	-	4.088.102.933
	<b>1.028.505.990.267</b>	<b>-</b>	<b>1.028.505.990.267</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>559.859.105.445</b>	<b>-</b>	<b>559.859.105.445</b>
<b>31/12/2011</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	773.144.004.554	-	773.144.004.554
Phải thu khách hàng và phải thu khác	586.810.826.838	-	586.810.826.838
	<b>1.359.954.831.392</b>	<b>-</b>	<b>1.359.954.831.392</b>
<b>31/12/2011</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	820.383.438.777	-	820.383.438.777
Chi phí phải trả	87.650.000	-	87.650.000
	<b>820.471.088.777</b>	<b>-</b>	<b>820.471.088.777</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>539.483.742.615</b>	<b>-</b>	<b>539.483.742.615</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 7, tòa nhà PV Gas Tower, số 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển  
Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Mua hàng</b>		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	5.081.455.098.694	2.878.242.084.655
- <i>Mua khí</i>	5.011.991.523.780	2.813.578.014.279
- <i>Thuê văn phòng</i>	5.649.950.190	1.043.781.794
- <i>Thuê công trình "Hệ thống phân phối khí thấp áp giai đoạn 2"</i>	60.010.850.004	60.010.850.004
- <i>Chi phí ăn trưa</i>	653.264.182	-
- <i>Chi phí tiền điện</i>	226.690.873	-
- <i>Công ty tư vấn Quản lý dự án Khí</i>	2.790.819.665	260.704.993
- <i>Công ty Dịch vụ khí</i>	132.000.000	3.348.733.585
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí	1.493.323.955	217.610.584.717
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	17.942.209.640	4.143.970.455
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Phía Nam	1.047.355.960	778.302.821
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	338.611.025	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí - Trung tâm Tư vấn Đầu tư và Thiết kế	1.168.211.818	392.727.273
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	364.831.550	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	3.367.145.132	81.647.364
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt nam - Công ty Cổ phần	1.654.554.091	-
Công ty Cổ phần Công nghệ An toàn Dầu khí Việt Nam	8.295.245.192	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam	3.624.541.836	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	1.025.146.668	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	10.126.761.569	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	46.210.770.293	-
Công ty TNHH MTV Tư vấn Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí 2	2.244.763.422	-
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	465.175.913.065	350.131.766.611
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	279.529.375.695	282.282.081.334
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	1.788.888.889	5.401.111.111
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	683.055.556	931.950.000
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	2.761.397.912	3.122.923.499

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
<b>Ủy thác quản lý vốn ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	-	50.000.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	-	10.000.000.000
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	207.837.217.224	147.400.074.566
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	60.341.347.296	85.531.438.299
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	1.789.229.707	276.111.111
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	-	7.777.778
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây lắp Khí	25.342.652.647	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	13.181.575.408	22.748.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Tư vấn Quản lý Dự án Khí	-	1.012.779.957
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	22.239.800	58.722.955
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	925.964.911	1.851.929.823
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần	-	455.002.375
Công ty Cổ phần Công nghệ An toàn Dầu khí Việt Nam	-	5.291.322.391
<b>Ký quỹ, ký cược dài hạn</b>		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.409.856.435	-
<b>Phải trả người bán</b>		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	993.000.950.682	788.086.974.055
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí	-	18.700.869.264
Công ty Cổ phần Công nghệ An toàn Dầu khí Việt Nam	2.333.447.320	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long	1.045.891.346	118.043.874
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	113.960.000	-
<b>Chi phí phải trả</b>		
Công ty TNHH MTV Tư vấn quản lý dự án điện lực dầu khí 2	2.244.763.422	-
<b>Phải trả, phải nộp khác</b>		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	11.374.000.000	11.439.689.318
- Phải trả tiền góp vốn đầu tư	11.374.000.000	11.374.000.000
- Phải trả tiền mua khí CNG sử dụng cho ô tô	-	65.689.318
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	8.000.000.000	-
- Phải trả cổ tức	8.000.000.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

**Cam kết thuê hoạt động**

Ngày 26 tháng 10 năm 2007, Công ty đã ký Hợp đồng số 01-PTL-VTLP với Công ty TNHH Petro Tower để thuê văn phòng tại tòa nhà Petro Tower (thành phố Vũng Tàu). Theo Phụ lục hợp đồng ký ngày 01 tháng 8 năm 2012, số tiền thuê hàng tháng là 202.608.000 đồng.

Ngày 18 tháng 8 năm 2009, Công ty đã ký Hợp đồng thuê tài sản số 120/2009/PV GAS-TC-PV GAS D/D4 với Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần) để thuê Hệ thống khí thấp áp giai đoạn 2. Số tiền thuê hàng tháng là 5.000.904.167 đồng kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2008.

Ngày 01 tháng 12 năm 2011, Công ty đã ký Hợp đồng số 314/HĐ/PVGAS/DAD-PVG.D/D4 với Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần để thuê văn phòng tại tòa nhà PVGas Tower với thời hạn 02 năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011, giá thuê hàng tháng là 22,5 Đô la Mỹ/m<sup>2</sup>.

**Cam kết mua hàng**

Theo Hợp đồng mua bán khí số 70/2012/PVGAS/HĐK-PVGAS D/B1 ngày 16 tháng 3 năm 2012, Phụ lục bổ sung số 01 ngày 25 tháng 5 năm 2012 và Phụ lục bổ sung số 02 ngày 15 tháng 10 năm 2012 giữa Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần và Công ty có thời hạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá mua khí từ Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần áp dụng trong năm 2012 là từ 7,5 Đô la Mỹ/MMBTU đến 10,55 Đô la Mỹ/MMBTU (giá mua khí áp dụng trong năm 2011 từ 4,6 Đô la Mỹ/MMBTU đến 8 Đô la Mỹ/MMBTU). Giá mua khí các năm tiếp theo sẽ được thỏa thuận lại khi kết thúc năm tài chính.

**Cam kết vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới một số công trình đầu tư xây dựng cơ bản lớn đang thực hiện chưa hoàn thành như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Dự án phân phối khí thấp áp cho các Khu công nghiệp huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai - Giai đoạn I	32.972.959.652	42.468.400.565
Hệ thống phân phối khí thấp áp Khu công nghiệp Hiệp Phước	8.776.049.958	17.276.049.958
Văn phòng điều hành Công ty tại thành phố Vũng Tàu	26.526.139.987	36.695.266.000
Dự án cung cấp khí Nhà máy Luyện phối Thép - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Pomina	2.027.461.962	-

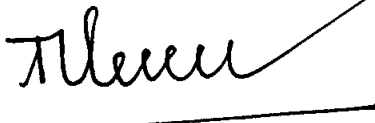
Theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT/2012 ngày 28 tháng 11 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt kế hoạch đấu thầu dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống phân phối khí thấp áp cho khu công nghiệp Tiên Hải - Thái Bình với tổng vốn đầu tư dự kiến khoảng 51,8 triệu Đô la Mỹ.

**27. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.



Nguyễn Hà An  
Người lập biểu



Nguyễn Phương Thúy  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Sơn  
Giám đốc

Ngày 02 tháng 02 năm 2013